

Bản án số: 52/2024/HS-ST
Ngày 24-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quyết Tiến

2. Bà Đào Kim Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yến - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Bà Âu Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 44/2024/TLST-HS ngày 09/9/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HS ngày 10/9/2024 đối với các bị cáo:

1. Thò Mí P, tên gọi khác Thò Nhì V; sinh năm 1981 tại huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Chúng Pả A, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; số thẻ CCCD: 002081008643 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ công an cấp ngày 24/10/2022; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thò Mố L, sinh năm 1936 (đã chết) và bà Vàng Thị C, sinh năm 1941; có vợ là Vàng Thị P, sinh năm 1991; có 07 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh đôi năm 2021; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 22/02/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Sinh Mí L, tên gọi khác Sinh Chá L; sinh năm 1987 tại huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Sảng Pả, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; số thẻ CCCD: 002087005607 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ công an cấp ngày 17/12/2021; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: Không đi học; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Sinh Nhì T, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Vàng Thị

M, sinh năm 1959; có vợ là Vàng Thị G, sinh năm 1992; có 03 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 22/02/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Bà Bùi Thị H, sinh năm 1987 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người làm chứng:* Giàng Mí P1, sinh năm 1985; Lầu Mí S, sinh năm 1992; Vàng Thị C, sinh năm 1993; Vàng Mí G, sinh năm 2000; Vàng Mí H, sinh năm 2004; Vàng Mí C, sinh năm 1996; vắng mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Anh Sùng Mí M, địa chỉ: Thôn L, xã L1, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2021, Thò Mí P (*thường gọi là Thò Nhìa V*), sinh năm 1981, trú tại thôn Chúng Pả A, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang và Sinh Mí L, sinh năm 1987, trú tại thôn Sảng Pả, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang tìm và đưa 06 công dân vượt biên giới trái phép qua đường mòn thuộc địa phận thôn Tả Lũng, xã Phố Là, huyện Đ, tỉnh Hà Giang để đi sang Trung Quốc làm thuê.

Quá trình điều tra làm rõ Thò Mí P, Sinh Mí L đã từng đi Trung Quốc lao động làm thuê và có mối quan hệ quen biết một người đàn ông Trung Quốc (*không biết họ tên, địa chỉ*) là người chủ thuê lao động tại Trung Quốc. Năm 2019 người Trung Quốc này đã đến nhà Thò Mí P bảo P tìm người đưa đi Trung Quốc làm thuê nhưng Thò Mí P không tìm được người.

Khoảng tháng 4/2021, do được biết Thò Mí P đã đi Trung Quốc làm thuê về, Giàng Mí P1, sinh năm 1985, trú tại thôn Tá Tò, xã P, huyện Đ, Hà Giang, cùng vợ là Vàng Thị D muốn đi Trung Quốc làm thuê nên đến nhà Thò Mí P hỏi về công việc và cách đi lại. Thò Mí P gọi điện thoại cho chủ thuê lao động người Trung Quốc để trao đổi nhưng không liên lạc được, do chưa liên lạc được với chủ thuê lao động người Trung Quốc nên Thò Mí P chưa nhận lời vợ chồng Giàng Mí P1. Sau đó Thò Mí P điện thoại thông báo cho chủ thuê lao động Trung Quốc biết có một người muốn đi Trung Quốc làm thuê, do chỉ có một người nên chủ thuê lao động không đón.

Đến tháng 5/2021, chủ thuê lao động người Trung Quốc gọi điện thoại cho Thò Mí P nói là hiện nay cần khoảng 10 người làm thuê, bảo Thò Mí P tìm người cho, công việc là phát rừng, trồng cây, tiền công lao động là 100CNY (*một trăm nhân dân tệ*)/01 ngày/ 01người, nếu ai biết sử dụng và chạy máy cắt

cỏ thì sẽ được trả tiền công là 120CNY (*một trăm hai mươi nhân dân tệ*)/01 ngày/01 người, nếu Thò Mí P tìm được khoảng 10 người đưa đi Trung Quốc làm thuê thì chủ thuê lao động sẽ giao cho Thò Mí P làm công việc quản lý (*quản lý 10 người này*), chủ sẽ trả tiền công lao động cho Thò Mí P cao hơn người lao động khác là 130CNY (*một trăm ba mươi nhân dân tệ*)/01 ngày, Thò Mí P đồng ý. Do biết vợ chồng Giàng Mí P1 muốn đi Trung Quốc làm thuê (*vì trước đó đã đến hỏi P*), Thò Mí P đến nhà Giàng Mí P1 bảo Giàng Mí P1 đi Trung Quốc làm thuê với công việc phát rừng để trồng cây, tiền công lao động là 100CNY (*một trăm nhân dân tệ*)/01 ngày/ 01 người, nếu ai biết sử dụng và chạy máy cắt cỏ thì sẽ được trả tiền công là 120CNY (*một trăm hai mươi nhân dân tệ*)/01 ngày/01 người, Giàng Mí P1 đồng ý, Thò Mí P bảo Giàng Mí P1 ngày nào đi thì Thò Mí P sẽ thông báo sau. Sáng hôm sau Giàng Mí P1 đến nhà Vàng Mí C (*Vàng Mí C là em vợ của Giàng Mí P1*), tại thôn Kho Chớ, xã Vân Chải, huyện Đ, tỉnh Hà Giang với mục đích vay ngô. Qua nói chuyện Giàng Mí P1 cho Vàng Mí C biết mấy ngày nữa Giàng Mí P1 đi Trung Quốc làm thuê khoảng 03 tháng, sau khi về có tiền sẽ trả tiền ngô cho Vàng Mí C. Vàng Mí C hỏi Giàng Mí P1 đi Trung Quốc làm cùng ai, ai đưa đi, tiền công thế nào, Giàng Mí P1 nói do Thò Mí P (*Thò Nhìa Vừ*) nhà ở Phố Cáo đưa đi, với công việc phát rừng để trồng cây, tiền công lao động là 100CNY (*một trăm nhân dân tệ*)/01 ngày/ 01 người, nếu ai biết sử dụng và chạy máy cắt cỏ thì sẽ được trả tiền công là 120CNY (*một trăm hai mươi nhân dân tệ*)/01 ngày/01 người. Sau đó Giàng Mí P1 gọi điện thoại cho Thò Mí P nói là em cậu của Giàng Mí P1 là Vàng Mí C cũng muốn đi Trung Quốc làm thuê rồi đưa điện thoại cho Vàng Mí C nghe, nói chuyện với Thò Mí P, Vàng Mí C đồng ý đi. Sau khi Giàng Mí P1, Vàng Mí C đồng ý đi Trung Quốc làm thuê, Thò Mí P điện thoại thông tin cho chủ thuê lao động tại Trung Quốc biết để chuẩn bị phương tiện đến biên giới đón người. Sáng hôm sau Vàng Mí C đi đến nhà Thò Mí P để hoãn việc đi Trung Quốc làm thuê, do không biết nhà Thò Mí P, Vàng Mí C gọi điện thoại cho Giàng Mí P1 đi cùng đến nhà Thò Mí P, nhưng Thò Mí P không ở nhà. Giàng Mí P1 gọi điện thoại cho Thò Mí P để Vàng Mí C nói chuyện với Thò Mí P, Vàng Mí C cho biết không đi Trung Quốc làm thuê nữa, Thò Mí P nói không thể hoãn được vì khi Vàng Mí C đồng ý thì Thò Mí P đã gọi điện thoại thông báo cho chủ Trung Quốc biết số lượng người đi và hẹn xe đến biên giới đón. Thò Mí P hẹn Vàng Mí C 15 giờ chiều đi lên thôn Tả Lũng, xã Phố Là, huyện Đ, tỉnh Hà Giang để đi, Vàng Mí C nói không có phương tiện đi, Thò Mí P bảo Vàng Mí C cứ về chuẩn bị quần áo, đến giờ thì đi bộ ra Quốc lộ 4C, khu vực ngã ba đường Yên Minh – Đồng Văn – xã Vân Chải rồi Thò Mí P đi xe máy đến đón thì Vàng Mí C đồng ý. Khoảng 15 giờ cùng ngày Thò Mí P gọi điện thoại bảo Giàng Mí P1 tự túc phương tiện đi đến thôn Tả Lũng, xã Phố Là, huyện Đ chờ đến 17 giờ sẽ lên khu vực biên giới

để đi Trung Quốc làm thuê, Thò Mí P nói nếu không có phương tiện thì đi bộ đến đó sẽ có Sinh Mí L đón đưa lên biên giới. Sau đó Giàng Mí P1 gọi điện thoại cho Vàng Mí C biết để đi, Giàng Mí P1 đi bộ qua đường mòn đến thôn Tả Lũng, xã Phố Là, huyện Đ thì gặp Sinh Mí L đã chờ tại đây. Còn Vàng Mí C đi bộ đến địa điểm Thò Mí P hẹn (*ngã ba đường Yên Minh – Đồng Văn – xã Vần Chải*) thì thấy Thò Mí P đang có mặt tại đây. Thò Mí P sử dụng xe máy chở Vàng Mí C đến nhà Thò Mí P (*thôn Chúng Pả A, xã P, Đồng Văn*) nghỉ khoảng 01 giờ đồng hồ thì Vàng Mí C nhìn thấy có hai người đàn ông sử dụng xe máy chở nhau đi qua trước nhà Thò Mí P (*sau này có 01 người cùng làm thuê với Vàng Mí C tại Trung Quốc thì Chơ mới biết người đó là Vàng Mí H*) Thò Mí P tiếp tục chở Vàng Mí C đi đến khu vực thôn Tả Lũng, xã Phố Là, huyện Đ giao Chơ cho Sinh Mí L.

Sau khi Thò Mí P thông tin cho chủ thuê lao động người Trung Quốc biết có người đi Trung Quốc làm thuê, chủ thuê lao động Trung Quốc gọi điện thoại cho Sinh Mí L biết là hôm sau có người sang Trung Quốc làm thuê, nhưng không có người đưa đi qua biên giới, nên bảo Sinh Mí L đưa người qua biên giới đi sang Trung Quốc, chủ thuê lao động người Trung Quốc này sẽ trả tiền công đưa người qua biên giới cho Sinh Mí L là 100CNY (*một trăm nhân dân tệ*)/01 người đi Trung Quốc làm thuê, Sinh Mí L đồng ý.

Cũng trong thời gian này, Lầu Mí S, sinh năm 1992, trú tại thôn Chúng Pả B, xã P, huyện Đ, Hà Giang, biết Thào Mí S, sinh năm 1994 trú tại thôn Chúng Pả A, xã P, Đồng Văn đang làm thuê tại Trung Quốc (*Thào Mí S là cháu ruột của Thò Mí P*), Lầu Mí S điện thoại hỏi Thào Mí S về công việc, tiền công làm thuê tại Trung Quốc, Lầu Mí S cho Thào Mí S biết có nhu cầu đi Trung Quốc làm thuê, Thào Mí S nói nếu muốn đi làm thì đến nhà Thò Mí P (*chú của S*) hỏi. Khoảng 02 ngày sau, Lầu Mí S đến nhà Thò Mí P hỏi đi Trung Quốc làm thuê, Thò Mí P cho biết nếu đi thì 15 giờ ngày hôm nay đi cùng mấy người nữa, tự túc phương tiện đi đến thôn Tả Lũng, xã Phố Là, huyện Đ, khoảng 17 giờ sẽ có người đưa đi. Lầu Mí S đồng ý đi về nhà để chuẩn bị thì vợ của S là Vàng Thị C, sinh năm 1993 hỏi và biết chồng mình đi Trung Quốc làm thuê, Vàng Thị C nói đi cùng Lầu Mí S, sau đó Lầu Mí S nhờ bố đẻ là (Lầu Sía V) sử dụng xe máy chở hai vợ chồng Lầu Mí S, Vàng Thị C đi đến thôn Tả Lũng, xã Phố Là, huyện Đ. Cùng ngày chủ thuê lao động tại Trung Quốc gọi điện thoại cho Vàng Mí H, sinh năm 2004, trú tại thôn Sáo Lũng, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (*trước đây Vàng Mí H đã đi làm thuê cho ông chủ lao động này*), báo cho Vàng Mí H biết là ngày hôm nay có người đi Trung Quốc làm thuê, nếu đi thì đến tập trung tại nhà Thò Mí P để đi, sau đó Vàng Mí H gọi điện thoại cho anh rể là Sùng Mí L, trú tại thôn Mỏ Xí, xã Lũng Thầu, huyện Đ nhờ L đi xe máy đưa Vàng Mí H đến thôn Tả Lũng, xã Phố Là, Đồng Văn để tập trung đi Trung Quốc làm thuê.

Khi chủ thuê lao động người Trung Quốc thống nhất được ngày giờ, địa điểm tập trung đã điện thoại báo cho Sinh Mí L biết, hẹn Lừ 17 giờ cùng ngày đến thôn Tả Lũng, xã Phố Là, huyện Đ để đưa người vượt biên giới sang và ông chủ đón ở bên đất Trung Quốc. Sau khi chủ thuê lao động người Trung Quốc gọi điện thoại cho Sinh Mí L thì Thò Mí P gọi điện thoại nói cho Sinh Mí L biết có mấy người đi Trung Quốc làm thuê (*nhưng P không nói cụ thể bao nhiêu người*), do Thò Mí P không có thời gian đưa đi, bảo Sinh Mí L đưa giúp những người này vượt biên giới sang giao cho chủ thuê lao động người Trung Quốc. Sau khi biết thời gian, địa điểm tập trung để đưa người qua biên giới đi Trung Quốc làm thuê, Sinh Mí L điện thoại cho Vàng Mí G biết 17 giờ ngày hôm nay Sinh Mí L đưa người đi Trung Quốc làm thuê, nếu đi thì đến Thôn Tả Lũng, xã Phố Là, huyện Đ để đi (do trước đó Sinh Mí L đi làm thuê cho chủ thuê lao động này được khoảng 02 tháng), khi Lừ về nhà thì Vàng Mí G (*em vợ của L*), sinh năm 2000, trú tại thôn Sảng Pả, xã P, Đồng Văn, Hà Giang, hỏi Lừ về công việc và tiền công làm thuê ở Trung Quốc để Vàng Mí G đi Trung Quốc làm thuê, Sinh Mí L cho biết công việc là đào hố, trồng cây, tiền công là 100NDT/01ngày, ông chủ này tốt, trả công đầy đủ. Sau khi thông báo cho Vàng Mí G, Sinh Mí L một mình đi xe máy của mình đến thôn Tả Lũng, xã Phố Là, huyện Đ để đón những người đi Trung Quốc làm thuê, còn Vàng Mí G nhờ anh trai là Vàng Mí S (*sinh sống cùng nhà*) sử dụng xe máy chở G đến thôn Tả Lũng, xã Phố Là, huyện Đ để đi Trung Quốc làm thuê.

Khoảng 17 giờ cùng ngày khi 06 người được người thân đưa đến khu vực thôn Tả Lũng, xã Phố Là, huyện Đ, tỉnh Hà Giang thì Sinh Mí L đã chờ tại đây, khi đó Lầu Sía Vừ, Sùng Mí L, Vàng Mí S, Thò Mí P quay về còn Sinh Mí L đưa Giàng Mí P1, Lầu Mí S, Vàng Thị C, Vàng Mí G, Vàng Mí H, Vàng Mí C đi bộ vượt biên giới thuộc địa phận thôn Tả Lũng, xã Phố Là, huyện Đ, tỉnh Hà Giang sang Trung Quốc giao cho chủ thuê lao động người Trung Quốc, Sinh Mí L được ông chủ thuê lao động người Trung Quốc đưa cho 1000CNY (*một nghìn nhân dân tệ*) tiền công đưa người qua biên giới, nhận tiền xong Sinh Mí L quay về, ông chủ thuê lao động người Trung Quốc đưa 06 công dân trên đi sâu vào nội địa Trung Quốc để làm thuê (*những công dân đi Trung Quốc làm thuê không biết họ tên ông chủ thuê lao động người Trung Quốc, địa danh nơi làm thuê*).

Tại bản Cáo trạng số 21/CT- VKSHG-P1 ngày 05/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Thò Mí P về tội "*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*" theo quy định tại khoản 1 Điều 349 , Sinh Mí L về tội "*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Thò Mí P, Sinh Mí L đã khai và thừa nhận toàn bộ diễn biến, hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Bị cáo Thò Mí P trình bày: Do bị cáo đã đi Trung Quốc làm thuê năm 2018 nên có quen biết với chủ lao động Trung Quốc. Sau khi bị cáo trở về Việt Nam thì ông chủ người Trung Quốc có bảo bị cáo tìm được người đi Trung Quốc làm thuê cho ông chủ. Một số người biết bị cáo đi làm được trả công đầy đủ nên đã đến nhà hoặc gọi điện thoại hỏi bị cáo về việc đi làm. Đến năm 2021 ông chủ người Trung Quốc bảo bị cáo tìm 10 người lao động sang Trung Quốc, công việc phát rừng, trồng cây, tiền công lao động là 100CNY (một trăm nhân dân tệ)/01 người/01 ngày, ai biết sử dụng máy phát cỏ thì tiền công được trả là 120CNY/01 người/01 ngày, bị cáo được ông chủ hứa hẹn nếu tìm được người đưa sang Trung Quốc lao động sẽ được ông chủ trả tiền công lao động cao hơn người khác là 130CNY/ngày và được làm quản lý nhóm người làm thuê. Bị cáo đồng ý và đã tìm được 03 người gồm Giàng Mí P1, Lầu Mí S, Vàng Mí C có nhu cầu đi làm và liên lạc với Sinh Mí L để hẹn Lừ đưa người vượt biên giới trái phép, bị cáo chưa được hưởng lợi gì từ việc tìm người đưa sang Trung Quốc.

Bị cáo Sinh Mí L trình bày: Khoảng tháng 02/2021 bị cáo có đi làm thuê ở Trung Quốc nên quen ông chủ người lao động Trung Quốc, khi bố bị cáo chết bị cáo trở về Việt Nam thì khoảng tháng 6/2021 ông chủ gọi điện bảo bị cáo đưa mấy người Việt Nam có nhu cầu sang Trung Quốc làm thuê, bảo bị cáo đưa lên biên giới cho ông chủ, bị cáo được trả tiền công là 100CNY/người nhưng ông chủ không nói rõ mấy người. Nắm được thông tin có người đi làm nên bị cáo đã bảo Vàng Mí G cũng có nhu cầu đi làm. Sau khi thống nhất thời gian đi bị cáo được bị cáo Thò Mí P báo là có mấy người đã chuẩn bị xong, bảo bị cáo đến điểm hẹn tại thôn Tả Lũng, xã Phố Là, huyện Đ. Khi đến khu vực biên giới thuộc địa phận xã Phố Là, huyện Đ bị cáo thấy có 06 người bao gồm 3 người do P tìm, bị cáo rủ Vàng Mí G, còn Vàng Thị C (*là vợ của Lầu Mí S tự cùng chồng đi*) và Vàng Mí H do ông chủ người Trung Quốc tự hẹn đến để đi cùng. Sau đó bị cáo đã trực tiếp đưa 06 người này đi bộ vượt biên giới thuộc địa phận thôn Tả Lũng, xã Phố Là, huyện Đ, tỉnh Hà Giang sang đất Trung Quốc giao cho ông chủ thuê lao động người Trung Quốc và được trả 1.000CNY (*một nghìn nhân dân tệ*) tiền công đưa người qua biên giới, bị cáo đã đổi ra tiền Việt Nam và sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu luận tội, giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo. Sau khi phân tích, đánh giá nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội; hậu quả của tội phạm; vai trò của từng bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội; các

tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Thò Mí P, Sinh Mí L phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 349, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Thò Mí P từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Sinh Mí L từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 22/02/2024.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về biện pháp tư pháp: Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.000CNY đối với bị cáo Sinh Mí L.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Trong phần tranh luận, bà Bùi Thị Hà - Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Nhất trí với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”, nội dung luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội. Khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình của các bị cáo; nguyên nhân dẫn đến các bị cáo phạm tội là do muốn giúp đỡ gia đình và các công dân khác có nhu cầu đi lao động để kiếm tiền về lo cho gia đình, nên mới rủ rê và đưa người khác trốn đi nước ngoài trái phép. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; cả 2 bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn rất hạn chế; bị cáo P còn phải nuôi 4 con nhỏ, bị cáo Lữ còn 3 con nhỏ đang độ tuổi ăn học trong điều kiện hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hơn nữa hiện nay các công dân đi làm thuê đều đã trở về an toàn, có sức khỏe tốt, không ai có đề nghị gì, do vậy người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt để các bị cáo sớm được trở về với gia đình, chăm lo cho các con. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Thò Mí P mức án 12 tháng tù và bị cáo

Sinh Mí L mức án 05 năm tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và miễn án phí cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Thò Mí P và Sinh Mí L nhất trí với quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, nhất trí với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến bổ sung và tranh luận. Đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật theo đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo đã trình bày để các bị cáo sớm được trở về kiếm tiền nuôi các con nhỏ.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Khi bị bắt và thời gian tạm giam các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình; đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội, chăm lo cho các con còn rất nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo nên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, những người làm chứng Giàng Mí P1, Lầu Mí S, Vàng Thị C, Vàng Mí G, Vàng Mí H, Vàng Mí C, vắng mặt. Sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, các bị cáo; xét thấy những người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến giải quyết vụ án, căn cứ Điều 293, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX thảo luận và quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh và định khung hình phạt: Tại phiên tòa các bị cáo Thò Mí P, Sinh Mí L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp lời khai của những công dân do P, Lừ tìm được để đưa sang Trung Quốc lao động, phù hợp với biên bản sự việc, bản ảnh nhận dạng, biên bản đối chất, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Do trước đây các bị cáo Thò Mí P và Sinh Mí L đi làm thuê cho ông chủ người Trung Quốc nên khi về Việt Nam các bị cáo được ông chủ bảo tìm người sang Trung Quốc làm thuê. Đầu tháng 5/2021 (không nhớ ngày tháng cụ thể), bị cáo Thò Mí P đã tìm được 03 công dân là Giàng Mí P1, Vàng Mí C, Lầu Mí S để hẹn đưa sang

Trung Quốc làm thuê, ngoài ra còn có Vàng Thị C (là vợ của Lầu Mí S) tự xin đi cùng chồng; Vàng Mí H được ông chủ Trung Quốc hẹn và Giàng Mí V là em vợ của Sinh Mí L được L gọi điện thông báo hẹn giờ, địa điểm L đưa người vượt biên giới đi Trung Quốc lao động làm thuê để đi cùng. Do Thò Mí P bận công việc không trực tiếp đưa số công dân trên sang Trung Quốc được nên ông chủ thuê lao động Trung Quốc đã gọi điện cho Sinh Mí L bảo Lừ đưa qua biên giới giúp, số công dân đi Trung Quốc lao động được P và Lừ hẹn tập trung thôn Tả Lũng, xã Phố Là, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Khi Giàng Mí P1, Vàng Mí C, Lầu Mí S, Vàng Thị C, Vàng Mí H, Giàng Mí V có mặt đủ, Sinh Mí L trực tiếp đưa 06 người này đi bộ vượt biên giới thuộc địa phận thôn Tả Lũng, xã Phố Là, huyện Đ, tỉnh Hà Giang qua biên giới sang đất Trung Quốc giao cho chủ thuê lao động người Trung Quốc, Sinh Mí L được ông chủ thuê lao động người Trung Quốc trả cho 1000CNY (*một nghìn nhân dân tệ*) tiền công đưa người qua biên giới, nhận tiền xong Sinh Mí L quay về, ông chủ thuê lao động người Trung Quốc đưa 06 công dân trên đi sâu vào nội địa Trung Quốc để làm thuê.

[4] Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài là vi phạm pháp luật, bản thân các bị cáo biết việc tổ chức xuất khẩu lao động phải do cơ quan, tổ chức được Nhà nước cho phép thực hiện mới hợp pháp vì trước đó các bị cáo đã sang Trung Quốc lao động có làm thủ tục hợp pháp; song với động cơ, mục đích vụ lợi về vật chất, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý hành chính của nhà nước về lĩnh vực xuất cảnh, xâm phạm vào chính sách đối nội, đối ngoại của Nhà nước, gây mất trật tự trị an và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh biên giới Việt - Trung. Hành vi giới thiệu và tổ chức cho 03 công dân Việt Nam trốn đi nước ngoài làm thuê của bị cáo Thò Mí P đã phạm tội "*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*" theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

[5] Sau khi tiếp nhận các công dân do P và ông chủ người Trung Quốc giới thiệu, bị cáo Sinh Mí L đã trực tiếp tổ chức cho 06 công dân vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc giao cho ông chủ thuê lao động người Trung Quốc để hưởng tiền công nên hành vi của bị cáo Lừ đã phạm tội "*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người. Tuy các bị cáo không phải là những người khởi xướng, chủ mưu, nhưng khi được ông chủ người Trung Quốc đặt vấn đề về Việt Nam tìm người

lao động và đưa người vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc làm thuê, các bị cáo đã đồng ý. Bị cáo P là người trực tiếp đứng ra tìm người, trong đó P đã tìm được 03 công dân Việt Nam có nhu cầu đi Trung Quốc làm thuê, kết nối với bị cáo L để tổ chức đưa người qua biên giới trái phép giao cho ông chủ người Trung Quốc, để tạo lòng tin cho Thò Mí P còn khẳng định với các công dân có nhu cầu làm thuê là ông chủ người Trung Quốc tốt, đi làm chắc chắn lấy được tiền, thanh toán tiền công đầy đủ, hướng dẫn, thống nhất thời gian, địa điểm tập trung đưa người vượt biên giới trái phép, thông tin cho Sinh Mí L biết để đón người và ừ trực tiếp đưa đi. Ngoài ra bị cáo còn trực tiếp chở các công dân đến khu vực gần biên giới giao cho L. Do vậy xác định bị cáo P là người môi giới để đưa người lao động sang Trung Quốc trái phép trong vụ án này nên bị cáo P phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 349 là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên bị cáo P không trực tiếp tổ chức đưa người qua biên giới và không được nhận thù lao, bị cáo có nhân thân tốt, hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn bị cáo còn có 04 con nhỏ cần phải nuôi dưỡng, chăm sóc do đó HĐXX sẽ cân nhắc xem xét mức án phù hợp để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Đối với bị cáo Sinh Mí L sau khi được ông chủ người Trung Quốc hứa hẹn trả tiền công đưa người qua biên giới đã trực tiếp đưa 06 người qua biên giới trái phép giao cho ông chủ người Trung Quốc và được nhận số tiền 1.000CNY (*một nghìn nhân dân tệ*). Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi tổ chức để đưa 06 người vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên HĐXX cũng cân nhắc cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm sớm trở về gia đình chăm lo cho các con nhỏ và để bị cáo thấy được sự nhân văn của pháp luật Việt Nam.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải; ngoài ra các bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hoàn cảnh gia đình các bị cáo rất khó khăn thuộc diện hộ nghèo; các bị cáo là lao động chính nhưng không có nghề nghiệp ổn định, các con còn nhỏ, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt; nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo.

[10] Về hình phạt chính: HĐXX áp dụng Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tù có thời hạn và căn cứ quyết định hình phạt, xử phạt các bị cáo mức án đủ nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đảm bảo tính răn đe đối với các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này tại địa phương.

[11] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Sinh Mí L thực hiện hành vi phạm tội được hưởng lợi bất chính số tiền 1.000 CNY (*một nghìn nhân dân tệ*) là tiền công đưa người qua biên giới; theo Văn bản số 990/HAG-THKT ngày 12/9/2024 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hà Giang, tỉ lệ tính chéo của đồng Việt Nam (VND) với Nhân dân tệ (CNY) tại thời điểm đầu tháng 6/2021 là $01 \text{ CNY} = 3.618,54 \text{ VND}$ x 1.000 CNY = 3.618.000 đồng; căn áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, tuyên truy thu số tiền trên để nộp ngân sách Nhà nước.

[13] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[14] Phát biểu luận tội và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về tội danh, áp dụng điều luật, mức hình phạt, biện pháp tư pháp, án phí đối với các bị cáo là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[15] Quan điểm đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ, hợp với nhận định của HĐXX, nên được chấp nhận.

[16] Đối với chủ thuê lao động là người Trung Quốc, các bị cáo và 06 công dân đi Trung Quốc làm thuê đều không biết họ tên, địa chỉ của chủ thuê lao động người Trung Quốc này. Do vậy Cơ quan ANĐT không đủ cơ sở để điều tra xác minh làm rõ nhân thân lai lịch, vai trò của chủ thuê lao động người Trung Quốc trong vụ án này là có căn cứ.

[17] Đối với những người sử dụng xe máy chở người đi lao động đến thôn Tả Lũng, xã Phó Là, huyện Đ, tỉnh Hà Giang để đi Trung Quốc làm thuê đều có quan hệ gia đình (*bố con, anh em*). Quá trình điều tra, xác định những người này không được trao đổi, thống nhất nội dung gì với các bị cáo và người lao động về việc tổ chức đưa người đi Trung Quốc, không biết những người mình chở đi lên biên giới để sang Trung Quốc làm thuê có làm thủ tục giấy tờ xuất nhập cảnh theo quy định hay không, vì vậy Cơ quan ANĐT không xử lý là có căn cứ.

[18] Đối với 06 công dân đi Trung Quốc làm thuê hiện nay đã trở về Việt Nam. Quá trình làm việc với Cơ quan ANĐT đều khai nhận đi Trung Quốc với mục đích làm thuê, không có mục đích gì khác, khi đi Trung Quốc không có giấy tờ hợp pháp, đã nhận thức được hành vi vượt biên giới trái phép đi Trung Quốc làm thuê là vi phạm pháp luật. Hành vi của 06 công dân đi Trung Quốc làm thuê không làm thủ tục xuất cảnh, đã vi phạm điểm a, khoản 3, Điều 18, Nghị định số 144/2021/ND-CP, ngày 31/12/2021 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phòng chống bạo lực gia đình. Tuy nhiên do thời hiệu xử phạt hành chính đã hết nên Cơ quan ANĐT không đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với 06 công dân đi Trung Quốc làm thuê là có căn cứ.

[19] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Thò Mí P, Sinh Mí L phạm tội "*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Thò Mí P 12 (*Mười hai*) tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/02/2024.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Sinh Mí L 05 (*Năm*) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/02/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, truy thu của bị cáo Sinh Mí L số tiền 3.618.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng*) để sung ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12, Điều 15, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí cho các bị cáo Thò Mí P và Sinh Mí L.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC01, PC02, PV06, PV09 CA tỉnh HG;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh;
- Bộ phận HCTP;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mỹ Lệ